

Bản án số: 39/2017/DS-ST

Ngày: 21.9.2017

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết

Ông Trần Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Ngày 15.9.2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2017/TLST - DS ngày 06.7.2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2017/QĐXXST – DS ngày 30.8.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 230/2017/QĐST-DS ngày 15.9.2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1969;

- Ông Trần Văn C, sinh năm: 1972;

Cùng địa chỉ: Số 38 đường Đ, tổ 187 phường M, quận L, TP Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Việt A (tên gọi khác: Thanh), sinh năm: 1963;

Địa chỉ: K814A H41/27 đường T, tổ 68 phường Đ, quận T, TP Đà Nẵng.

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, là hàng xóm láng giềng nên năm 2010, bà Nguyễn Thị Việt A có hỏi mượn vợ chồng ông bà số tiền 250.000.000đ để xây nhà và có viết giấy mượn tiền (giấy mượn tiền này đã xé bỏ để viết giấy mới). Trong quá trình vay mượn tiền, bà A đã trả được hai lần với tổng số tiền là 43.000.000đ. Đến ngày 15.12.2013, hai bên thống nhất xé bỏ tờ giấy mượn tiền cũ và bà Nguyễn Thị Việt A viết giấy mượn tiền mới đề ngày 15.12.2013 với nội dung: Bà Nguyễn Thị Việt A có mượn của vợ chồng T + Trần Văn C số tiền 250.000.000đ. Nay bà A đã trả*

được 20.000.000đ bé Q đem qua; đã góp thêm được 23.000.000đ. Tổng cộng là 43.000.000đ. Còn lại 207.000.000đ. Bà A hứa tháng 6 âm lịch năm 2014 bà sẽ trả số tiền trên.

Vì là chỗ hàng xóm láng giềng, quen biết nhau nên ông bà tin tưởng cho bà A mượn tiền. Nhưng từ đó đến nay, bà Nguyễn Thị Việt A vẫn không chịu trả nợ cho ông bà như đã hứa hẹn. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần đến nhà gặp bà A và yêu cầu bà trả nợ nhưng bà A vẫn cố tình không trả nợ cho ông bà.

Nay ông bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Việt A phải có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

** Tại đơn trình bày, bản tự khai ngày 26.7.2017, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - bà Nguyễn Thị Việt A trình bày:* Bà với vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C có quan hệ hàng xóm láng giềng. Do cần tiền để làm ăn nên năm 2010 bà có vay của vợ chồng bà T, ông C số tiền 220.000.000đ, có viết giấy vay mượn và đồng thời hàng tháng bà phải trả lãi số tiền là 7.700.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên bà không có khả năng tiếp tục trả lãi cho bà T. Do đó, bà có gặp vợ chồng bà T, ông C xin ngừng trả lãi và sẽ trả tiền gốc hàng tháng. Đến năm 2013, giữa bà và vợ chồng bà T, ông C chốt lại số tiền gốc + lãi và viết lại giấy mượn tiền mới. Theo giấy mượn tiền ngày 15.12.2013 do chính bà viết và ký nhận, bà có ghi bà có mượn của vợ chồng T + Trần Văn C số tiền 250.000.000đ. Bà đã trả được 20.000.000đ bé Q đem qua và đã góp thêm được 23.000.000đ. Tổng cộng bà đã trả được số tiền 43.000.000đ và bà còn nợ số tiền 207.000.000đ. Bà có hứa tháng 6 âm lịch năm 2014 bà sẽ trả số tiền trên nhưng do làm ăn thua lỗ nên bà không trả được nợ theo đúng cam kết. Nhưng năm 2015 bà có trả số tiền 12.000.000đ (khi cưới vợ cho con đầu của bà T ông C) và năm 2016 bà trả được số tiền 7.000.000đ (cưới vợ cho con thứ hai của bà T ông C). Tổng cộng bà đã trả được số tiền 19.000.000đ. Do tin tưởng lẫn nhau nên khi bà trả tiền cho bà T ông C thì giữa hai bên không có viết giấy tờ gì.

Nay bà xác nhận còn nợ vợ chồng bà T ông C số tiền 188.000.000đ (Một trăm tám mươi tám triệu đồng). Hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn và bản thân bà cũng nợ nần rất nhiều người nên bà xin trả dần hàng năm số tiền 20.000.000đ/năm cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Việt A có địa chỉ tại K814A H41/27 đường T, tổ 68 phường Đ, quận T, TP Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm

quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Việt A phải có nghĩa vụ trả số tiền: 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 15.12.2013 do chính bà Nguyễn Thị Việt A viết với nội dung còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C số tiền 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng) và hứa tháng 6 âm lịch năm 2014 sẽ trả số tiền trên. Nhưng từ đó đến nay, mặc dù bà T và ông C đã rất nhiều lần liên lạc, đôn thúc việc trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị Việt A vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Việt A thừa nhận có nợ vợ chồng bà T, ông C số tiền 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 15.12.2013 nhưng năm 2015-2016 bà đã trả được số tiền 19.000.000đ, nay bà còn nợ vợ chồng bà T, ông C số tiền 188.000.000đ. Về phía bà T, ông C thì cho rằng từ tháng 12.2013 đến nay ông bà không nhận được đồng nào từ bà A. Do giữa hai bên không thống nhất ý kiến và bà A cũng không có chứng cứ chứng minh trong khoảng thời gian từ năm 2015 - 2016, bà đã trả cho bà T, ông C số tiền 19.000.000đ nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn. Vì vậy, cần phải buộc bà Nguyễn Thị Việt A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trần Văn C số tiền 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Việt A xin trả dần số tiền 188.000.000đ, mỗi năm sẽ trả 20.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể thoả mãn yêu cầu của bà A.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Nguyễn Thị Việt A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $207.000.000đ \times 5\% = 10.350.000đ$. Xét thấy hoàn cảnh gia đình bà Nguyễn Thị Việt A khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử xét giảm cho bà A 50% án phí. Như vậy, án phí dân sự sơ thẩm bà A còn phải chịu là 5.175.000đ (Năm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 280, 466 và 470 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị Việt A về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Việt A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C số tiền 207.000.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 5.175.000đ (Năm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Việt A phải chịu. (Đã giảm 50% do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Văn C tiền tạm ứng án phí là 5.175.000đ (năm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007374 ngày 06.7.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm, nguyên, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lan Anh

